

Nghệ An, ngày 03 tháng 04, năm 2022

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 189/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/07/2022)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ): **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á**
2. Địa chỉ trụ sở chính: 117 Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
3. Điện thoại: 0383.844277 Fax: 0383.841757 Website: www.baca-bank.vn
4. Vốn điều lệ: 8.133.863.400.000 đồng (Tám nghìn một trăm ba mươi ba tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)
5. Mã cổ phiếu (nếu có): **BAB**
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Số tài khoản: 119962
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 2900325526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 10/10/1995, cấp thay đổi lần thứ 35 ngày 11/08/2021

- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác. Mã ngành: 6419

Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh tiền tệ và các hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (xác nhận thay đổi nội dung ngành nghề kinh doanh) của Ngân hàng TMCP Bắc Á (BAC A BANK) phù hợp với các quy định của pháp luật

- Sản phẩm/ dịch vụ chính:

- Sản phẩm/ dịch vụ cho khách hàng cá nhân: tiền gửi, cho vay, thanh toán, dịch vụ thẻ, các dịch vụ Ngân hàng điện tử, bảo hiểm...
- Sản phẩm/ dịch vụ dành cho khách hàng doanh nghiệp: tiền gửi, cho vay, thanh toán, bảo lãnh, các dịch vụ Ngân hàng điện tử, bảo hiểm...

8. Giấy phép thành lập và hoạt động số: 47/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp đổi ngày 16/04/2019 và các Quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ của BAC A BANK qua từng thời kỳ

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP

Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng 2022 được HĐQT BAC A BANK thông qua theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐQT ngày 24/03/2022 và được UBCKNN chấp thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 189/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/07/2022. Theo đó, số lượng trái phiếu và các đợt phát hành đã được phê duyệt như sau:

Đợt phát hành	Số lượng trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá, đồng)	Kỳ hạn (năm)	Thời gian phát hành dự kiến
----------------------	----------------------------	--	---------------------	------------------------------------



	Ký hiệu	Số lượng			
Đợt 1	16.000.000, trong đó:		1.600.000.000.000		Quý 2/2022
	BAB202201-7L	4.000.000	400.000.000.000	07 (bảy)	
	BAB202201-7C	8.000.000	800.000.000.000	07 (bảy)	
	BAB202201-8C	4.000.000	400.000.000.000	08 (tám)	
Đợt 2	12.000.000, trong đó:		1.200.000.000.000		Quý 3/2022
	BAB202202-7L	3.000.000	300.000.000.000	07 (bảy)	
	BAB202202-7C	6.000.000	600.000.000.000	07 (bảy)	
	BAB202202-8C	3.000.000	300.000.000.000	08 (tám)	
Đợt 3	8.000.000, trong đó:		800.000.000.000		Quý 4/2022
	BAB202203-7L	2.000.000	200.000.000.000	07 (bảy)	
	BAB202203-7C	4.000.000	400.000.000.000	07 (bảy)	
	BAB202203-8C	2.000.000	200.000.000.000	08 (tám)	
Đợt 4	4.000.000, trong đó:		400.000.000.000		Quý 1/2023
	BAB202204-7L	1.000.000	100.000.000.000	07 (bảy)	
	BAB202204-7C	2.000.000	200.000.000.000	07 (bảy)	
	BAB202204-8C	1.000.000	100.000.000.000	08 (tám)	

- Trường hợp các Đợt Chào bán chưa hết số lượng như dự kiến thì số lượng chưa chào bán hết sẽ chuyển sang Đợt Chào Bán tiếp theo

Các đợt tiếp theo BAC A BANK sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái Phiếu phù hợp tùy vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái Phiếu, phù hợp với quy định của BAC A BANK và NHNN trong từng thời kỳ.

BAC A BANK đã thực hiện phát hành trái phiếu Đợt 1 và dự kiến triển khai việc phát hành Đợt 2 theo phương án đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

- Số lượng trái phiếu được phép phát hành Đợt 1: 16.000.000 trái phiếu
- Số lượng trái phiếu đã phát hành Đợt 1: 2.354.000 trái phiếu
- Số lượng trái phiếu còn lại chưa phát hành Đợt 1: 13.646.000 trái phiếu
- Tổng số lượng trái phiếu dự kiến phát hành Đợt 2 (đã bao gồm số lượng trái phiếu còn lại chưa phát hành của Đợt 1): 25.646.000 trái phiếu
- Lãi suất trái phiếu Đợt 2:
 - Trái Phiếu BAB202202-07L: Cố định 9,3%/năm.
 - Trái Phiếu BAB202202-07C: Cố định 9,6%/năm.
 - Trái Phiếu BAB202202-08C: Cố định 9,8%/năm.

- Phương thức phát hành Đợt 2: BAC A BANK phân phối và bán Trái phiếu trực tiếp cho các nhà đầu tư thông qua Trụ sở chính và các Chi Nhánh/Phòng giao dịch của BAC A BANK trên toàn quốc.

- Ngày phát hành dự kiến Đợt 2: từ Quý 4/2022 (sau khi được UBCKNN chấp thuận).

III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC (ghi theo từng đợt)

- Số lượng chứng khoán đã phát hành đợt 1: 2.354.000 trái phiếu

- Ngày kết thúc đợt chào bán đợt 1: 19/09/2022

- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 235.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm tỷ bốn trăm triệu đồng)

Phương thức phát hành Đợt 1: BAC A BANK phân phối và bán Trái phiếu trực tiếp cho các nhà đầu tư thông qua Trụ sở chính và các Chi Nhánh/Phòng giao dịch của BAC A BANK trên toàn quốc.

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH (cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng 189/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/07/2022)

I. THÔNG TIN TÀI CHÍNH

1.1. Tỷ lệ từng loại sản phẩm dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục 2020-2021, 6 tháng và 9 tháng đầu năm 2022

Các sản phẩm dịch vụ cốt lõi và truyền thống của ngân hàng như: cho vay khách hàng, hoạt động dịch vụ (bao gồm dịch vụ thanh toán, đại lý, ngân quỹ, bảo hiểm và khác); kinh doanh ngoại hối; mua bán chứng khoán đầu tư... là các sản phẩm dịch vụ đóng góp chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập thuần của BAC A BANK.

Chi tiết tỷ lệ từng loại sản phẩm dịch vụ (SPDV) trong tổng doanh thu và tổng thu nhập thuần của BAC A BANK trong 02 năm 2020-2021, 6 tháng và 9 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

Bảng 6: Tỷ lệ các SPDV trong Tổng Doanh Thu (Hợp nhất)*Đơn vị: tỷ đồng*

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022		9 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.825	96,58%	9.459	94,69%	4.858	96,27%	7.488	95,32%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	91	0,89%	90	0,90%	50	0,99%	83	1,06%
Thu nhập từ HDKD ngoại hối	99	0,97%	104	1,04%	46	0,91%	71	0,90%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	74	0,73%	174	1,74%	36	0,71%	69	0,88%
Thu nhập từ hoạt động khác	81	0,80%	160	1,60%	56	1,11%	140	1,78%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	3	0,03%	2	0,02%	0	0,00%	5	0,06%
Tổng cộng	10.173	100,00%	9.989	100,00%	5.046	100,00%	7.856	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 7: Tỷ lệ các SPDV trong Tổng Doanh Thu (Riêng lẻ)*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022		9 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.825	96,62%	9.459	94,69%	4.858	96,29%	7.488	95,33%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	91	0,89%	90	0,90%	49	0,97%	82	1,04%
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	99	0,97%	104	1,04%	46	0,91%	71	0,90%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	74	0,73%	174	1,74%	36	0,71%	69	0,88%
Thu nhập từ hoạt động khác	77	0,76%	160	1,60%	56	1,11%	140	1,78%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	3	0,03%	2	0,02%	0	0,00%	5	0,06%
Tổng cộng	10.169	100,00%	9.989	100,00%	5	100,00%	7.855	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

Bảng 8: Tỷ lệ các SPDV trong Thu nhập thuần (Hợp nhất)*Đơn vị: tỷ đồng*

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022		9 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	2.031	91,08%	2.117	85,92%	1.033	94,60%	1.670	89,45%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	60	2,69%	65	2,64%	36	3,30%	60	3,21%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	24	1,08%	30	1,22%	-6	-0,55%	-4	-0,21%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	47	2,11%	169	6,86%	11	1,01%	36	1,93%
Lãi thuần từ hoạt động khác	65	2,91%	81	3,29%	18	1,65%	100	5,36%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	3	0,13%	2	0,08%	0	0,00%	5	0,27%
Tổng cộng	2.230	100,00%	2.464	100,00%	1.092	100,00%	1.867	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 9: Tỷ lệ các SPDV trong Thu nhập thuần (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022		9 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	2.022	91,16%	2.110	85,98%	1.031	94,59%	1.666	89,47%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	57	2,57%	62	2,53%	36	3,30%	59	3,17%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	24	1,08%	30	1,22%	-6	-0,55%	-4	-0,21%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00%	0	0,00%	0	0%	0	0,00%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	47	2,12%	169	6,89%	11	1,01%	36	1,93%
Lãi thuần từ hoạt động khác	65	2,93%	81	3,30%	18	1,65%	100	5,37%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	3	0,14%	2	0,08%	0	0%	5	0,27%
Tổng cộng	2.218	100,00%	2.454	100,00%	1.090	100,00%	1.862	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

1.2. Huy động vốn

- Cơ cấu nguồn huy động

Bảng 10: Nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022		9 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi của Khách hàng	86.442	81,77%	93.440	86,57%	97.168	86,59%	95.699	85,63%
Các khoản nợ CP và NHNN	148	0,14%	96	0,09%	72	0,06%	62	0,06%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	13.232	12,52%	9.087	8,42%	6.564	5,85%	8.158	7,30%
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>13.231</i>	<i>12,52%</i>	<i>9.060</i>	<i>8,39%</i>	<i>6.036</i>	<i>5,38%</i>	<i>7.824</i>	<i>7,00%</i>
<i>Tiền vay các TCTD khác</i>	<i>1</i>	<i>0,00%</i>	<i>26</i>	<i>0,02%</i>	<i>528</i>	<i>0,47%</i>	<i>334</i>	<i>0,30%</i>
Phát hành GTCG	5.890	5,57%	5.314	4,92%	8.412	7,50%	7.839	7,01%
Vốn khác	3	0,00%	4	0,00%	3	0,00%	3	0,00%
Tổng cộng	105.715	100,00%	107.941	100,00%	112.219	100,00%	111.761	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 11: Nguồn vốn huy động (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022		9 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi của Khách hàng	86.565	81,79%	93.560	86,58%	97.298	86,60%	95.832	85,65%
Các khoản nợ CP và NHNN	148	0,14%	96	0,09%	72	0,06%	62	0,06%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	13.232	12,50%	9.087	8,41%	6.564	5,84%	8.158	7,29%
Tiền gửi của các TCTD khác	13.231	12,50%	9.060	8,38%	6.036	5,37%	7.824	6,99%
Tiền vay các TCTD khác	1	0,00%	26	0,02%	528	0,47%	334	0,30%
Phát hành GTCG	5.890	5,57%	5.314	4,92%	8.412	7,49%	7.839	7,01%
Vốn khác	3	0,00%	4	0,00%	3	0,00%	3	0,00%
Tổng cộng	105.838	100,00%	108.061	100,00%	112.349	100,00%	111.894	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

- Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước

Bảng 12: Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022		9 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trong nước	105.715	100,00%	107.941	100,00%	112.219	100,00%	111.761	100,00%
Ngoài nước	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng cộng	105.715	100,00%	107.941	100,00%	112.219	100,00%	111.761	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 13: Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022		9 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Trong nước	105.838	100,00%	108.061	100,00%	112.349	100,00%	111.894	100,00%
Ngoài nước	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Tổng cộng	105.838	100,00%	108.061	100,00%	112.349	100,00%	111.894	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

Đối với hoạt động huy động vốn, Ngân Hàng luôn giữ được đà tăng trưởng quy mô huy động vốn thị trường 1 qua các năm. Trong đó, Ngân Hàng tập trung vào huy động khách hàng cá nhân là đối tượng có lượng tiền gửi ổn định, cơ cấu nguồn vốn theo hướng bền vững và cân đối kỳ hạn nguồn vốn huy động với sử dụng vốn, duy trì hợp lý và đảm bảo an toàn thanh khoản. Trong cơ cấu vốn huy động riêng lẻ tại 9 tháng đầu năm 2022, nguồn vốn từ tiền gửi khách hàng chiếm tỷ trọng cao lên tới 85,65% trên tổng vốn huy động, huy động từ tiền gửi và vay các TCTD khác chỉ chiếm 7,29%. Ngân Hàng cũng tăng cường thực hiện huy động vốn từ các kênh khác như phát hành giấy tờ có giá nhằm bổ sung nguồn vốn trung, dài hạn, đồng thời tận dụng được nguồn huy động giá rẻ và luôn đáp ứng được nhu cầu thanh khoản.

1.3. Hoạt động tín dụng

- Theo thời hạn:

Bảng 14: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của BAC A BANK (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022		9 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	35.650	44,88%	39.678	46,90%	43.338	48,50%	40.717	44,03%
Nợ trung hạn	14.394	18,12%	13.994	16,54%	13.261	14,84%	14.997	16,22%
Nợ dài hạn	29.396	37,00%	30.926	36,56%	32.766	36,67%	36.751	39,75%
Tổng cộng	79.440	100,00%	84.598	100,00%	86.365	100,00%	92.465	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 15: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của BAC A BANK (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022		9 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	35.650	44,88%	39.678	46,90%	43.338	48,50%	40.717	44,03%
Nợ trung hạn	14.394	18,12%	13.994	16,54%	13.261	14,84%	14.997	16,22%
Nợ dài hạn	29.396	37,00%	30.926	36,56%	32.766	36,67%	36.751	39,75%
Tổng cộng	79.440	100,00%	84.598	100,00%	89.365	100,00%	92.465	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

- Theo nhóm nợ:

Nhờ chính sách tín dụng cân trọng, BAC A BANK luôn duy trì được tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp so với hệ thống ngân hàng và luôn đáp ứng được yêu cầu về tỷ lệ nợ xấu theo quy định của NHNN Việt Nam. Năm 2021, Ngân Hàng tiếp tục thực hiện xử lý các khoản nợ xấu tồn đọng, cũng như tăng cường chất lượng tín dụng đầu ra nhằm hạn chế thấp nhất việc phát sinh thêm các tài sản xấu. Đến cuối năm 2021, tổng số nợ xấu của BAC A BANK ở mức 655 tỷ, tương đương với tỷ lệ nợ xấu chiếm 0,77%. Tại 9 tháng đầu năm 2022, tổng số nợ xấu của BAC A BANK biến động không đáng kể trong khi dư nợ cho vay tăng khiến tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ còn 0,59% tổng dư nợ

và thấp hơn rất nhiều so với mức tiêu chuẩn dưới 3% của toàn ngành.

Bảng 16: Dư nợ cho vay theo chất lượng tín dụng của BAC A BANK (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022		9 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	78.768	99,15%	83.788	99,04%	88.297	98,80%	91.586	99,05%
Nợ cần chú ý	44	0,06%	155	0,18%	411	0,46%	337	0,36%
Nợ dưới tiêu chuẩn	23	0,03%	61	0,07%	47	0,05%	42	0,05%
Nợ nghi ngờ	271	0,34%	40	0,05%	57	0,06%	47	0,05%
Nợ có khả năng mất vốn	334	0,42%	554	0,65%	553	0,62%	453	0,49%
Tổng cộng	79.440	100%	84.598	100,00%	89.365	100,00%	92.465	100,00%
Nợ xấu	628	0,79%	655	0,77%	657	0,74%	542	0,59%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 17: Dư nợ cho vay theo chất lượng tín dụng của BAC A BANK (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022		9 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	78.768	99,15%	83.788	99,04%	88.297	98,80%	91.586	99,05%
Nợ cần chú ý	44	0,06%	155	0,18%	411	0,46%	337	0,36%
Nợ dưới tiêu chuẩn	23	0,03%	61	0,07%	47	0,05%	42	0,05%
Nợ nghi ngờ	271	0,34%	40	0,05%	57	0,06%	47	0,05%
Nợ có khả năng mất vốn	334	0,42%	554	0,65%	553	0,62%	453	0,49%
Tổng cộng	79.440	100%	84.598	100,00%	89.365	100,00%	92.465	100,00%
Nợ xấu	628	0,79%	655	0,77%	657	0,74%	542	0,59%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR):

BAC A BANK luôn bảo đảm và đáp ứng các nguyên tắc về quản trị rủi ro, cũng như tuân thủ đúng các quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động và tỷ lệ an toàn vốn.

Bảng 18: Tỷ lệ an toàn vốn của BAC A BANK

Nguồn: BAC A BANK

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Hợp nhất	8,39%	9,24%	8,92%	9,08%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Riêng lẻ	8,30%	9,14%	8,82%	8,99%

Nguồn: BAC A BANK

Bảng 19: Số dư quỹ DPRR cho vay khách hàng của BAC A BANK

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Riêng lẻ			
	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Dự phòng chung	559	615	666	684	559	615	666	684
Dự phòng cụ thể	263	445	448	345	263	445	448	345
Tổng cộng	822	1.060	1.114	1.029	822	1.060	1.114	1.029

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ và hợp nhất)

1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a. Hoạt động kinh doanh ngoại hối

BAC A BANK đang triển khai thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế nhưng do nguyên nhân khách quan dẫn đến hoạt động thanh toán tín dụng thư xuất nhập khẩu và công tác chuyển tiền còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu hoạt động của BAC A BANK. Cùng với sự phát triển về quy mô, mạng lưới hoạt động, hạ tầng công nghệ và chất lượng nhân sự...đến nay, BAC A BANK đã và đang cung cấp đầy đủ và đa dạng các sản phẩm cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp như thanh toán quốc tế, chuyển đổi ngoại tệ.

Bảng 20: Kết quả HĐKD ngoại tệ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	30/06/2022	30/09/2022
Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ (Hợp nhất)	24	30	-6	-4
Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ (Riêng lẻ)	24	30	-6	-4

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất và riêng lẻ)

Mối quan hệ với khách hàng truyền thống được BAC A BANK duy trì và quan tâm phát triển, bên cạnh việc tìm kiếm khách hàng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như quảng cáo, băng rôn, tờ rơi, internet... và liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các điểm giao dịch cũng không ngừng tăng cường khai thác tiềm năng, mở rộng thị phần thanh toán của ngân hàng. BAC A BANK đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân Hàng. Ngoài ra, tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân Hàng.

b. Hoạt động thanh toán trong nước

Hoạt động thanh toán trong nước

Công tác chuyển tiền trong toàn hệ thống nhanh, chính xác, hoạt động ngân quỹ an toàn, thu

đúng, chi đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiền mặt cho khách hàng đã tạo được uy tín và góp phần nâng cao hình ảnh BAC A BANK. Cùng với việc nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng chuyên môn, BAC A BANK cũng đã mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động, nâng cấp hạ tầng công nghệ. Ngoài ra, do là thành viên của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN nên thông qua BAC A BANK, khách hàng có thể chuyển tiền, thanh toán đến các địa phương cả nước trong thời gian ngắn nhất.

Bảng 21: Kết quả hoạt động thanh toán trong nước

Chỉ tiêu	Số lượng giao dịch				Doanh số thanh toán (Nghìn tỷ đồng)			
	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng 2022	9 tháng 2022	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng 2022	9 tháng 2022
Giao dịch chuyển tiền đi	168.811	172.126	93.729	140.319	651	843	425	735
Giao dịch chuyển tiền đến	172.681	191.763	73.176	191.763	648	839	423	729

Nguồn: BAC A BANK

Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

BAC A BANK luôn nỗ lực thúc đẩy phát triển thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại. 9 tháng đầu năm 2022, doanh số thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của BAC A BANK đạt 140 triệu USD, tương đương 99% so với cả năm 2021, số lượng giao dịch là 2.455 giao dịch, tương đương 77% so với năm 2021.

Bảng 22: Kết quả hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

Chỉ tiêu	Số lượng giao dịch				Doanh số thanh toán (Nghìn tỷ đồng)			
	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng 2022	9 tháng 2022	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng 2022	9 tháng 2022
Giao dịch chuyển tiền đi	1.974	2.340	1.145	1.781	127	116	65	108
Giao dịch chuyển tiền đến	899	819	467	674	8	25	19	32

Nguồn: BAC A BANK

1.5. Hoạt động đầu tư

Để đa dạng cơ cấu tài sản có, đồng thời tăng nguồn thu và tình thanh khoản cho ngân hàng, BAC A BANK đã sử dụng hiệu quả nguồn vốn để đầu tư, mua bán trái phiếu Chính phủ, giấy tờ có giá của TCTD, TCKT... và các loại chứng khoán, giấy tờ có giá khác.

Bảng 23A: Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Đầu tư tài chính	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Trái phiếu chính phủ	8.254	3.896	3.889	3.886
Chứng khoán nợ do TCTD khác trong nước phát hành	12.678	14.178	12.939	9.800
Chứng khoán nợ do TCKT trong nước phát hành	0	2.200	3.300	3.777
Chứng khoán vốn	137	137	137	137
Tổng cộng	21.069	20.411	20.265	17.600

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 23B: Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Đầu tư tài chính	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Trái phiếu chính phủ	8.254	3.896	3.889	3.886
Chứng khoán nợ do TCTD khác trong nước phát hành	12.678	14.178	12.939	9.800
Chứng khoán nợ do TCKT trong nước phát hành	0	2.200	3.300	3.777
Chứng khoán vốn	137	137	137	137
Tổng cộng	21.069	20.411	20.265	17.600

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

1.6. Tài sản

Bảng 24: Tình hình các tài sản lớn thuộc sở hữu của BAC A BANK (Hợp nhất)*Đơn vị: tỷ đồng*

Danh mục	31/12/2020		31/12/2021		30/06/2022		30/09/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
TSCĐ hữu hình	384	150	439	174	453	173	468	182
Nhà cửa, vật kiến trúc	68	34	69	33	69	32	69	31
Máy móc thiết bị	170	62	205	82	221	87	228	90
Phương tiện vận tải	96	45	112	52	111	48	117	52
Thiết bị, dụng cụ quản lý	50	9	53	8	52	6	54	9
Tài sản cố định hữu hình khác	0	0	0	0	0	0	0	0
TSCĐ vô hình	660	576	674	585	677	583	681	585
Quyền sử dụng đất	565	557	565	557	565	557	565	557
Phần mềm máy vi tính	95	19	110	28	112	26	116	28
TSCĐ vô hình khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	1.044	726	1.113	759	1.130	756	1.149	767

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 25: Tình hình các tài sản lớn thuộc sở hữu của BAC A BANK (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2020		31/12/2021		30/06/2022		30/09/2022	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
TSCĐ hữu hình	380	148	435	173	449	173	462	179
Nhà cửa, vật kiến trúc	68	34	69	33	69	32	69	31
Máy móc thiết bị	168	62	203	82	219	87	226	90
Phương tiện vận tải	96	45	112	52	111	48	117	52
Thiết bị, dụng cụ quản lý	48	7	51	7	50	6	50	6
Tài sản cố định hữu hình khác	0	0	0	0	0	0	0	0
TSCĐ vô hình	656	574	671	583	673	581	677	583
Quyền sử dụng đất	565	558	565	557	565	557	565	557
Phần mềm máy vi tính	91	16	106	26	108	24	112	26
TSCĐ vô hình khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	1.036	722	1.106	756	1.122	754	1.130	756

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

1.7. Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch**1.7.1. Kết quả kinh doanh**

- Các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 35: Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Lũy kế 6 tháng năm 2022	Lũy kế 9 tháng năm 2022	% tăng/giảm 9 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ
Tổng tài sản	117.189	119.792	124.188	124.093	11,44%
Vốn chủ sở hữu	8.364	9.051	9.313	9.541	7,37%
Thu nhập lãi thuần	2.031	2.117	1.033	1.670	6,85%
Tổng thu nhập hoạt động	2.230	2.464	1.092	1.867	7,86%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	989	1.152	485	792	5,18%
Lợi nhuận trước thuế	735	908	431	715	1,85%
Lợi nhuận sau thuế	588	726	345	573	1,96%
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức của Công ty mẹ	6,3%	8%	-	-	-

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)***Bảng 36: Kết quả hoạt động kinh doanh (Riêng lẻ)***Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Lũy kế 6 tháng năm 2022	Lũy kế 9 tháng năm 2022	% tăng/giảm 9 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ
Tổng tài sản	117.302	119.900	124.296	124.202	11,43%
Vốn chủ sở hữu	8.352	9.037	9.297	9.525	7,36%
Thu nhập lãi thuần	2.022	2.110	1.031	1.666	6,93%
Tổng thu nhập hoạt động	2.218	2.454	1.090	1.862	7,82%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	985	1.148	484	791	5,47%
Lợi nhuận trước thuế	731	904	430	713	2,00%
Lợi nhuận sau thuế	585	724	344	572	2,33%

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Lũy kế 6 tháng năm 2022	Lũy kế 9 tháng năm 2022	% tăng/giảm 9 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức của Công ty mẹ	6,3%	8,0%	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

- Các chỉ tiêu khác

- a. Tổng thu nhập hoạt động

Bảng 37: Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Lũy kế 6 tháng 2022	Lũy kế 9 tháng 2022	% tăng/giảm 9 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ
Thu nhập lãi thuần	2.031	2.117	1.033	1.670	6,85%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	60	65	36	60	33,33%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	24	30	-6	-4	-71,43%
Lãi thuần từ mua bán CK kinh doanh	0	0	0	0	-
Lãi thuần từ mua bán CK đầu tư	47	169	11	36	-70,97%
Lãi thuần từ hoạt động khác	65	81	18	101	676,92%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	3	2	0	5	-
Tổng cộng	2.230	2.464	1.092	1.867	7,91%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 38: Tổng thu nhập hoạt động (Riêng lẻ)*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Lũy kế 6 tháng 2022	Lũy kế 9 tháng 2022	% tăng/giảm 9 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ
Thu nhập lãi thuần	2.022	2.110	1.031	1.666	6,93%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	57	62	36	59	31,11%
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	24	30	-6	-4	-71,43%
Lãi thuần từ mua bán CK kinh doanh	0	0	0	0	-
Lãi thuần từ mua bán CK đầu tư	47	169	11	36	-70,97%
Lãi thuần từ hoạt động khác	65	81	18	100	669,23%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	3	2	0	5	-
Tổng cộng	2.218	2.454	1.090	1.862	7,32%

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)***b. Chi phí hoạt động****Bảng 39: Chi phí hoạt động (Hợp nhất)***Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm 2022	% tăng/giảm 9 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	5	7	3	4	0,00%
Chi phí nhân viên	723	756	341	650	23,57%
Chi về tài sản	174	184	88	137	2,24%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	7	23	7	20	566,67%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	120	127	64	100	5,26%
Chi phí hoạt động khác	210	215	105	163	-24,88%
Tổng cộng	1.240	1.312	608	1.074	9,70%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 40: Chi phí hoạt động (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm 2022	% tăng/giảm 9 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	5	7	3	4	0,00%
Chi phí nhân viên	723	756	340	650	23,57%
Chi về tài sản	173	183	88	136	2,26%
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	7	23	7	20	566,67%
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	120	127	65	100	5,26%
Chi phí hoạt động khác	204	210	104	161	-25,46%
Tổng cộng	1.233	1.306	607	1.071	6,92%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

• **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập:**

Theo ý kiến của Công ty kiểm toán độc lập: Các Báo cáo tài chính (bao gồm các báo cáo hợp nhất và riêng lẻ) của Ngân hàng TMCP Bắc Á đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại thời điểm lập báo cáo.

1.7.2. Tình hình tài chính

• **Tình hình công nợ**

Bảng 41: Tình hình công nợ (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022	% tăng/giảm 9 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ
Các khoản phải thu	216	191	486	547	153,24%
Các khoản lãi, phí phải thu	2.580	2.439	2.576	2.312	-27,00%
Thuế TNDN hoãn lại phải thu	1	0	0	0	-100,00%
Tài sản có khác	38	35	35	44	29,41%
Tổng	2.834	2.665	3.097	2.903	-15,07%
Các khoản lãi, phí phải trả	2.733	2.541	2.428	2.571	6,64%
Các khoản phải trả và công nợ khác	378	260	227	221	-21,07%
Tổng	3.111	2.801	2.655	2.792	3,75%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 42: Tình hình công nợ (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022	% tăng/giảm 9 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ
Các khoản phải thu	215	191	485	547	166,83%
Các khoản lãi, phí phải thu	2.580	2.439	2.576	2.312	-27,00%
Thuế TNDN hoãn lại phải thu	0	0	0	0	-
Tài sản có khác	37	35	35	42	20,00%
Tổng	2.833	2.664	3.096	2.902	-14,82%
Các khoản lãi, phí phải trả	2.735	2.545	2.431	2.579	6,67%

Các khoản phải trả và công nợ khác	379	259	218	207	-25,81%
Tổng	3.113	2.804	2.649	2.783	3,30%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

• **Trái phiếu chưa đáo hạn**

Bảng 43: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại 31/10/2022

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Mã Trái Phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (tỷ đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Các điều khoản quan trọng khác
Trái phiếu riêng lẻ			7.600			
I	Năm 2019					
1	BAB1924.0202_3012	30/12/2019	500	Cố định	5 năm	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không phải nợ thứ cấp, có tài sản đảm bảo
II	Năm 2021					
1	BABL2124001	31/05/2021	1.200	Cố định	3 năm	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo
2	BABL2124002	14/06/2021	1.000	Cố định	3 năm	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo
3	BABL2124003	21/06/2021	500	Cố định	3 năm	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo

STT	Mã Trái Phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (tỷ đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Các điều khoản quan trọng khác
4	BABL2128004	24/12/2021	200	Thả nổi	7 năm	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo, là nợ thứ cấp và thoả mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định hiện hành
5	BABL2128005	29/12/2021	500	Thả nổi	7 năm	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo, là nợ thứ cấp và thoả mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định hiện hành
6	BABL2128006	31/12/2021	200	Thả nổi	7 năm	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo, là nợ thứ cấp và thoả mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định hiện hành
III	Năm 2022					
1	BABL2225001	15/04/2022	1.000	Cố định	3 năm	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo
2	BABL2225002	19/04/2022	500	Cố định	3 năm	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo

STT	Mã Trái Phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (tỷ đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Các điều khoản quan trọng khác
3	BABL2225003	25/04/2022	1.500	Cố định	3 năm	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo
4	BABL2225004	21/06/2022	500	Cố định	3 năm	Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo
Trái phiếu công chúng			235,4			
III	Năm 2022					
1	BAB202201-07L	19/09/2022	5,45	Cố định	7 năm	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.
2	BAB202201-07C	19/09/2022	31,40	Cố định	7 năm	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.
3	BAB202201-08C	19/09/2022	198,55	Cố định	8 năm	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều

STT	Mã Trái Phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (tỷ đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Các điều khoản quan trọng khác
						kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nguồn: BAC A BANK

Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 44: Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	Số đã nộp trong kỳ				
	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm 2021 so với 2020	Lũy kế 6 tháng năm 2022	Lũy kế 9 tháng 2022
Thuế GTGT	15	9	-40,00%	6	10
Thuế TNDN	160	183	14,38%	90	131
Các loại thuế khác	76	127	67,11%	67	83
Tổng	251	319	27,09%	163	224

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (hợp nhất)

Bảng 45: Các khoản phải nộp theo luật định (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	Số đã nộp trong kỳ				
	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm 2021 so với 2020	Lũy kế 6 tháng năm 2022	Lũy kế 9 tháng năm 2022
Thuế GTGT	15	9	-40,00%	5	10
Thuế TNDN	159	182	14,47%	90	130
Các loại thuế khác	76	127	67,11%	67	83
Tổng	250	318	27,20%	162	223

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

Ngân hàng TMCP Bắc Á hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật trong năm 2020 và năm 2021 và đến thời điểm hiện tại.

- **Trích lập các quỹ**

Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần nhất và 9 tháng đầu năm 2022 của BAC A BANK:

Bảng 46: Trích lập các quỹ

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	30/06/2022	30/09/2022
1	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	37	29	36	36
2	Trích quỹ dự phòng tài chính	75	59	72	72
3	Thù lao HĐQT và BKS	11	9	11	11
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	28	30	72	72

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022 (riêng lẻ)

BAC A BANK thực hiện đúng và đầy đủ việc trích lập các Quỹ theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo phê duyệt Đại hội đồng cổ đông BAC A BANK qua từng thời kỳ.

- **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Bảng 47: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Riêng lẻ			
	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm 2022	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm 2022
1. Vốn tự có								
Vốn điều lệ	7.085	7.531	7.531	8.134	7.085	7.531	7.531	8.134
Vốn tự có	9.328	10.257	10.772	11.246	9.231	10.143	10.657	11.131
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	8,39%	9,24%	8,92%	9,08%	8,30%	9,14%	8,82%	8,99%
2. Chất lượng tài sản								
Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ	0,85%	0,96%	1,2%	0,95%	0,85%	0,96%	1,2%	0,95%

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Riêng lẻ			
	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm 2022	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm 2022
Tỷ lệ nợ xấu/ Tổng dư nợ	0,79%	0,77%	0,74%	0,59%	0,79%	0,77%	0,74%	0,59%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các TCTD khác)/ Tổng tài sản	68,30%	72,22%	73,54%	75,87%	68,23%	72,16%	73,48%	75,80%
Tài sản có sinh lời/ Tổng tài sản có nội bảng	90,27%	90,24%	90,27%	92,96%	90,18%	90,16%	90,19%	92,88%
3. Khả năng thanh khoản								
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/ Tổng tài sản bình quân	13,56%	11,37%	11,21%	11,05%	13,55%	11,36%	11,20%	11,04%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	36,68%	32,58%	24,95%	33,89%	36,68%	32,58%	24,95%	33,89%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi	75,20%	78,43%	80,01%	82,98%	75,20%	78,43%	80,01%	82,98%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh								
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	9,02%	10,33%	4,64%	7,63%	8,98%	10,30%	4,64%	7,62%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản bình quân	0,65%	0,80%	0,36%	0,59%	0,65%	0,80%	0,36%	0,58%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	1,99%	2,11%	0,95%	1,50%	1,98%	2,1%	0,95%	1,5%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	0,50%	0,61%	0,28%	0,46%	0,50%	0,60%	0,28%	0,46%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	0,52%	0,64%	0,29%	0,47%	0,52%	0,64%	0,28%	0,47%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	7,03%	8,02%	3,70%	6,00%	7,01%	8,01%	3,70%	6,00%

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Riêng lẻ			
	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm 2022	Năm 2020	Năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm 2022
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	7,21%	8,26%	3,72%	6,16%	7,18%	8,25%	3,71%	6,12%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	830	964	458	704	826	961	457	703
Thu nhập dịch vụ/ Tổng thu nhập	0,89%	0,90%	0,99%	1,06%	0,89%	0,90%	0,97%	1,04%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/ Lợi nhuận trước thuế	8,16%	7,16%	8,35%	8,39%	7,80%	6,86%	8,37%	8,27%

Nguồn: BAC A BANK

- Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Bảng 48: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2022

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Thu nhập lãi thuần	2.239	6,14%
Lợi nhuận sau thuế	828	14,47%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Thu nhập lãi thuần	36,98%	2,67%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	8,48%	0,23%
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc chi trả cổ tức của năm trước	8%	

Nguồn: BAC A BANK

2. CÁC THÔNG TIN KHÁC

2.1 Rủi ro đối với Trái phiếu chào bán

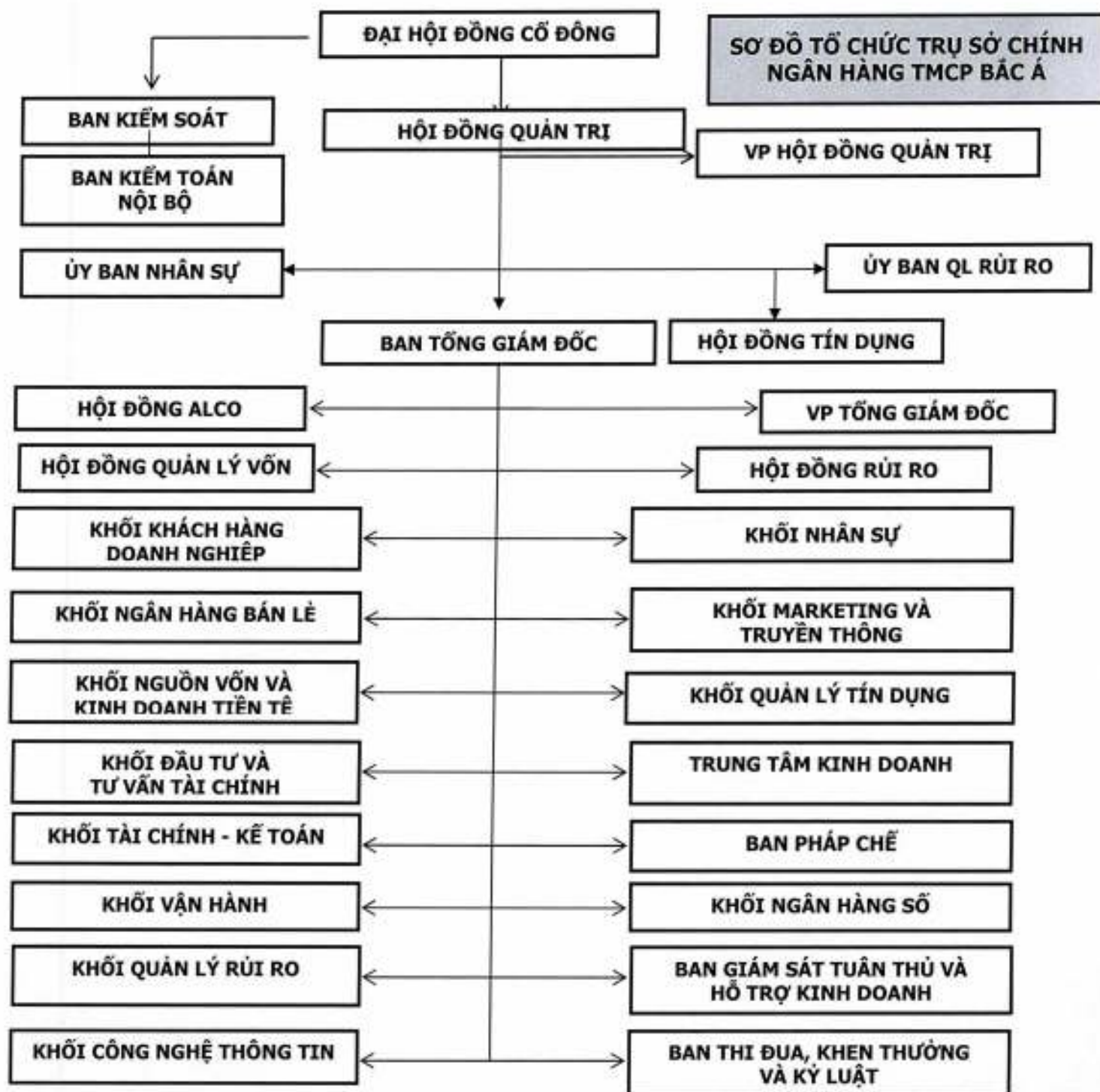
Bảo hiểm tiền gửi

Nhà đầu tư là tổ chức nên biết rằng Trái Phiếu này không là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2.2 Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

Biểu đồ 1: Sơ đồ tổ chức của BAC A BANK

Nguồn: BAC A BANK



2.2.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của BAC A BANK. Đại hội đồng cổ đông hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của BAC A BANK.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của BAC A BANK.
- Phê chuẩn quy chế quản trị BAC A BANK, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ của BAC A BANK.
- Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho BAC A BANK và cổ đông của BAC A BANK.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của BAC A BANK;
- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ, thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán.
- Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán.
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của BAC A BANK.
- Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- Quyết định thành lập công ty con.
- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của BAC A BANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của BAC A BANK có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của BAC A BANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

- Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của BAC A BANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa BAC A BANK với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của BAC A BANK; công ty con, công ty liên kết của BAC A BANK.
- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản BAC A BANK.
- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của BAC A BANK.
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập, quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của BAC A BANK, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ BAC A BANK và quy định của pháp luật.

2.2.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị BAC A BANK, có toàn quyền nhân danh BAC A BANK để quyết định, thực hiện các vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của BAC A BANK trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành.

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ BAC A BANK.
- Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.
- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của BAC A BANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- Cử người đại diện vốn góp của BAC A BANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
- Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của BAC A BANK từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của BAC A BANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm

toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của BAC A BANK quy định tại điểm p khoản 4 Điều 26 của Điều lệ BAC A BANK.

- Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ BAC A BANK.
- Thông qua các hợp đồng của BAC A BANK với công ty con, công ty liên kết của BAC A BANK; các hợp đồng của BAC A BANK với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của BAC A BANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Ban Tổng giám đốc; đồng thời xem xét những sai phạm (nếu có) của những vị trí quản lý trên gây thiệt hại cho BAC A BANK và nhanh chóng thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết.
- Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của BAC A BANK phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của BAC A BANK.
- Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
- Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
- Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của BAC A BANK.
- Quyết định mua lại cổ phần của BAC A BANK.
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đồng hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ BAC A BANK và quy định của pháp luật.

HDQT thành lập các đơn vị làm tham mưu, đề xuất, giúp việc HDQT trong việc quản trị BAC A BANK, thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh; đảm bảo sự phát triển hiệu quả, an toàn và đúng mục tiêu đã đề ra. Hiện nay, có các đơn vị sau:

2.2.2.1 Ủy ban Nhân sự: Là đơn vị được HDQT thành lập nhằm tham mưu cho HDQT các nội dung như sau:

- Tham mưu cho HDQT về quy mô và cơ cấu nhân sự HDQT, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của BAC A BANK.
- Tham mưu cho HDQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HDQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ BAC A BANK.
- Tham mưu, đề xuất HDQT quyết định mức thù lao, thưởng, các lợi ích khác của các thành viên HDQT, Ban kiểm soát trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền.
- Nghiên cứu, tham mưu cho HDQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của BAC A BANK thuộc thẩm quyền của HDQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn, đào tạo nhân sự, quy trình đánh giá và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên BAC A BANK, đảm bảo chính sách nhân sự của BAC A BANK có thể cạnh tranh với các ngân hàng cùng quy mô và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế.
- Tham mưu cho HDQT trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, bồi thường, lợi ích khác đối với chức danh thành viên Ban Tổng giám đốc, các chức danh khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HDQT.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác về nhân sự theo sự phân công, chỉ đạo của HDQT.

2.2.2.2 Ủy ban Quản lý rủi ro: là đơn vị được HDQT thành lập nhằm tham mưu và giúp cho HDQT thực hiện chiến lược kinh doanh an toàn và hiệu quả. Cụ thể như sau:

- Đề xuất, tham mưu cho HDQT giám sát Tổng giám đốc trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro.

- Đề xuất, tham mưu cho HĐQT giám sát Tổng giám đốc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ BAC A BANK
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.

2.2.2.3 Hội đồng tín dụng: được thành lập tại Trụ sở chính theo quyết định của HĐQT, thực hiện nhiệm vụ phê duyệt cấp tín dụng và cơ cấu lại thời hạn trả nợ, đưa ra các khuyến nghị về định hướng tín dụng trong tương lai và thực hiện nhiệm vụ khác do HĐQT giao.

2.2.2.4 Văn phòng HĐQT: là cơ quan được HĐQT thành lập, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT, để giúp HĐQT trong các công việc hành chính, văn phòng; tổng hợp thông tin; quản lý lưu trữ các hồ sơ/tài liệu/văn bản/giấy tờ gốc do HĐQT và/hoặc ĐHCĐ ban hành; thư ký; quản lý cổ đông và các hoạt động khác được phân công nhằm hỗ trợ và tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện chức năng quản trị của mình.

2.2.3 Ban kiểm soát (BKS)

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát của BAC A BANK; thực hiện kiểm toán nội bộ; kiểm soát, đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát của BAC A BANK có ít nhất 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại BAC A BANK hoặc doanh nghiệp khác.

Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của BAC A BANK đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản trị, điều hành BAC A BANK; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành BAC A BANK để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của BAC A BANK; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của BAC A BANK khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
- Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý BAC A BANK có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.
- Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của BAC A BANK; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
- Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ BAC A BANK.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng/Luật khác có liên quan hoặc vượt quá thẩm quyền được giao theo quy định tại Điều lệ BAC A BANK.
- Đề xuất, kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của BAC A BANK theo quy định của pháp luật.
- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của BAC A BANK; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của BAC A BANK, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của BAC A BANK.

- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định nội bộ của BAC A BANK và theo quy định của pháp luật.
- Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc là Ban Kiểm toán nội bộ được sử dụng các nguồn lực của BAC A BANK, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong BAC A BANK; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm BAC A BANK hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

2.2.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, do HĐQT bổ nhiệm và có trách nhiệm giải quyết các công việc hàng ngày của BAC A BANK, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của BAC A BANK đạt các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ, HĐQT đã thông qua theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của BAC A BANK.

2.2.4.1 Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của BAC A BANK; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; được Hội đồng quản trị phân công/ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ của Hội đồng quản trị nhằm điều hành hoạt động của BAC A BANK; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao phù hợp với quy định nội bộ và quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng Giám đốc có các quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của BAC A BANK.
- Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
- Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác. Trình Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến hoạt động của BAC A BANK theo thẩm quyền.
- Ban hành theo thẩm quyền hoặc được Hội đồng quản trị phân công/ủy quyền ban hành quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.

- Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của BAC A BANK.
- Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố hoặc trường hợp cấp bách khác vì lợi ích của BAC A BANK và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.
- Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của BAC A BANK có giá trị dưới 10% so với vốn điều lệ của BAC A BANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của BAC A BANK trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
- Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ BAC A BANK.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của BAC A BANK, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Ký kết hợp đồng nhân danh BAC A BANK theo quy định của Điều lệ BAC A BANK và quy định nội bộ của BAC A BANK.
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của BAC A BANK.
- Tuyển dụng, kỷ luật và cho thôi việc các nhân viên của BAC A BANK, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động kể cả cán bộ quản lý theo quy định của BAC A BANK, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
- Đại diện cho BAC A BANK trong quan hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân; trong các quan hệ tố tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản.
- Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

2.2.4.2 Giúp việc cho Tổng giám đốc còn có các đơn vị:

- a. **Hội đồng ALCO:** là cơ quan chuyên môn do Tổng giám đốc quyết định thành lập, thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất cho Tổng giám đốc giám sát các hoạt động liên quan đến quản lý Tài sản/Nợ phải trả của BAC A BANK bao gồm:
 - Quản lý Bảng cân đối tài sản hiệu quả, phù hợp với chính sách quản lý rủi ro;
 - Rà soát, đề xuất kế hoạch huy động vốn, kế hoạch sử dụng vốn, nguyên tắc xây dựng giá điều chuyển vốn nội bộ;

- Xây dựng khung lãi suất, khung giá cho các sản phẩm khác để quản lý tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính;
 - Kiểm soát hoạt động kinh doanh đảm bảo tuân thủ hạn mức rủi ro thanh khoản, hạn mức rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng, tổng tài sản tính theo rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng;
 - Các nội dung khác do Tổng giám đốc chỉ đạo từng thời kỳ.
- b. **Hội đồng quản lý vốn:** là cơ quan chuyên môn do Tổng giám đốc quyết định thành lập, thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất cho Tổng giám đốc trong việc giám sát các hoạt động liên quan đến công tác đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của BAC A BANK, bao gồm:
- Thực hiện công tác đánh giá nội bộ về mức đủ vốn;
 - Thực hiện chỉ đạo của HĐQT về việc xử lý, khắc phục tồn tại, hạn chế về đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - Các nội dung khác do Tổng giám đốc chỉ đạo trong từng thời kỳ
- c. **Hội đồng rủi ro:** là cơ quan chuyên môn do Tổng giám đốc quyết định thành lập, chuyên trách về quản lý rủi ro, thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất cho Tổng giám đốc trong việc:
- Lập quy trình, xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro;
 - Thực hiện chính sách quản lý rủi ro và đánh giá chính sách quản lý rủi ro;
 - Xây dựng và thực hiện hạn mức rủi ro, đề xuất phân bổ hạn mức rủi ro theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động nghiệp vụ, thực hiện các biện pháp xử lý khi không đáp ứng được hạn mức rủi ro;
 - Tổ chức thực hiện chỉ đạo của HĐQT trong việc xử lý, khắc phục tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo yêu cầu kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - Tự kiểm tra, đánh giá về quản lý rủi ro và đề xuất HĐQT các biện pháp xử lý, khắc phục;
 - Các nhiệm vụ/công việc khác do Tổng giám đốc chỉ đạo từng thời kỳ.
- d. **Văn phòng Tổng giám đốc:** là đơn vị chuyên môn trực thuộc Tổng giám đốc, báo cáo trực tiếp cho Tổng giám đốc. Văn phòng Tổng giám đốc có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc thực hiện:
- Thực hiện các công tác tổng hợp báo cáo thông tin hoạt động chung của BAC A BANK; thông báo, đôn đốc, theo dõi đánh giá việc thực hiện các kế hoạch, chỉ đạo giao việc của Tổng giám đốc đối với các đơn vị trong hệ thống;

- Quản lý, hỗ trợ công tác hành chính quản trị toàn hệ thống BAC A BANK và công ty con trực thuộc.

2.2.5 Các Khối/Ban chức năng

Trực thuộc Tổng giám đốc còn có các Khối/Ban chức năng thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và hỗ trợ hoạt động. Đứng đầu các Khối/Ban là các Giám đốc Khối/Giám đốc Ban có nhiệm vụ triển khai, tổ chức hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Khối/Ban dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

Khối Ngân hàng bán lẻ

Khối Ngân hàng bán lẻ tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về hoạt động ngân hàng bán lẻ, phát triển khách hàng cá nhân; phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ, tín dụng cá nhân, ngân hàng điện tử, thẻ, kiều hối, các sản phẩm bán chéo và chịu trách nhiệm về tính hiệu quả của các sản phẩm, dịch vụ đã ban hành ...; Ban hành các chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến sản phẩm, dịch vụ bán lẻ trên toàn hệ thống; Chỉ đạo, tổ chức thực hiện và triển khai các hoạt động ngân hàng bán lẻ tại đơn vị kinh doanh; giám sát, chỉ đạo, điều hành lực lượng bán hàng và đánh giá chất lượng dịch vụ của lực lượng bán hàng tại Đơn vị kinh doanh thông qua các chỉ tiêu Ngân hàng bán lẻ; Đầu mối quản lý và phát triển đối tác của BAC A BANK liên quan đến hoạt động ngân hàng bán lẻ; Thực hiện công tác phát triển hệ thống mạng lưới đơn vị kinh doanh theo chiến lược và kế hoạch được Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phê duyệt.

Khối Khách hàng doanh nghiệp

Khối Khách hàng doanh nghiệp tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị trong việc quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh phù hợp với mục tiêu, định hướng và chiến lược phát triển chung của BAC A BANK và pháp luật hiện hành trong việc: xây dựng chiến lược quản trị, kế hoạch quản lý và phát triển Khách hàng doanh nghiệp (KHDN) và các tổ chức kinh tế khác trên toàn hệ thống BAC A BANK; Quản lý và thúc đẩy hoạt động kinh doanh mảng KHDN trên toàn hệ thống nhằm thực hiện mục tiêu, chiến lược của Khối nói riêng và mục tiêu, chiến lược của BAC A BANK nói chung; Nghiên cứu, xây dựng và phát triển sản phẩm dịch vụ với KHDN; Tìm kiếm, phát triển đối tác và KHDN lớn, phân giao KHDN cho các đơn vị kinh doanh quản lý nhằm phát triển, triển khai các sản phẩm dịch vụ của BAC A BANK; Xây dựng, phân giao và đánh giá chỉ tiêu lực lượng bán hàng KHDN toàn hệ thống.

Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ

Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ quản lý tập trung về vốn (nội và ngoại tệ) nhằm chuyển tất cả các rủi ro về thanh khoản, tỷ giá và lãi suất từ các chi nhánh và đơn vị kinh doanh khác thuộc Trụ sở chính về Khối nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ; Quản lý thanh khoản toàn hệ thống BAC A BANK, quản lý vốn với chi phí thấp nhất nhằm tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro thị trường; Kinh doanh vốn và giấy tờ có giá nhằm tối đa hóa lợi nhuận; Tư vấn cho BAC A BANK và các dự án, doanh nghiệp trong việc tiếp cận và vay vốn các nguồn vốn từ nước ngoài và các nguồn vốn khác.

Khối Đầu tư và Tư vấn tài chính

Khối Đầu tư và Tư vấn tài chính tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc về việc xây dựng chiến lược, kế hoạch triển khai, thực hiện, nhằm kiểm tra giám sát và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động đối với các lĩnh vực: đầu tư, quản lý danh mục đầu tư; tư vấn đầu tư và tư vấn tài chính.

Khối Tài chính - Kế toán

Khối Tài chính - Kế toán tham mưu giúp Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực: nghiên cứu, xây dựng chế độ tài chính, kế toán, quản lý thu chi nội bộ phục vụ hoạt động kinh doanh của BAC A BANK; hướng dẫn tổ chức triển khai các công tác hạch toán, kế toán, kế toán tổng hợp, kế toán nghiệp vụ, hậu kiểm; quản lý giám sát khoản phải thu, phải trả, thu chi nội bộ hoạt động kinh doanh của BAC A BANK; đầu mối trong công tác mua sắm tài sản; xây dựng và quản lý các loại báo cáo có tính chất tuân thủ gửi các cơ quan hữu quan và cung cấp thông tin cho các đơn vị nội bộ; Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin quản trị; Xây dựng, giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của toàn hệ thống; và các nội dung công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Khối.

Khối Quản lý Tín dụng

Khối Quản lý Tín dụng tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc: thực hiện nghiệp vụ tái thẩm định các hồ sơ cấp tín dụng theo quy định của pháp luật và BAC A BANK, có ý kiến độc lập nhằm tham mưu, đề xuất cấp tín dụng cho cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định cấp tín dụng an toàn và hiệu quả; thực hiện quản lý tín dụng và quản lý công tác hỗ trợ tín dụng tại chi nhánh; thực hiện quản lý nợ có vấn đề, danh mục nợ có vấn đề tại Chi nhánh; phối hợp, hỗ trợ, giám sát các chi nhánh trong công tác quản lý và xử lý nợ có vấn đề.

Khối Vận hành

Khối Vận hành tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về công tác quản lý và phát triển dịch vụ khách hàng, thanh toán, kho quỹ và phát triển sản phẩm tiền gửi của Ngân hàng và các nội dung công việc theo chức năng nhiệm vụ của Khối.

Khối Quản lý rủi ro

Khối Quản lý rủi ro tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc: Hoạch định, xây dựng, tham mưu, nghiên cứu và phát triển chính sách tín dụng nhằm hoàn thiện và bảo đảm hoạt động tín dụng phù hợp với mục tiêu, chiến lược kinh doanh và quản trị rủi ro của pháp luật và BAC A BANK trong từng thời kỳ; xây dựng chính sách và tổ chức triển khai Quản lý rủi ro thị trường, Quản lý rủi ro thanh khoản, Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng trong hệ thống BAC A BANK; Xây dựng chính sách và tổ chức triển khai Quản lý rủi ro hoạt động và phòng chống rửa tiền trong hệ thống BAC A BANK; xây dựng chính sách và tổ chức triển khai quản lý giám sát tín dụng trong hệ thống BAC A BANK..

Khối Công nghệ thông tin

Khối Công nghệ thông tin tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc trong công tác đầu tư, triển khai, vận hành và quản trị hệ thống Công nghệ; đầu mối tiếp nhận thông tin và hỗ trợ mọi nghiệp vụ giao dịch trong toàn hệ thống; đầu mối tạo và xử lý số liệu báo cáo trong và ngoài hệ thống; quản trị hệ thống công nghệ thông tin; Phát triển, triển khai các giải pháp ứng dụng Công nghệ thông tin; đảm bảo an toàn; bảo mật công nghệ thông tin trên toàn hệ thống; quản trị hệ thống thiết bị tin học để đáp ứng mọi hoạt động trên toàn hệ thống BAC A BANK; quản trị hệ thống trao đổi thông tin trong và ngoài BAC A BANK.

Khối Nhân sự

Khối Nhân sự tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực có liên quan đến công tác quản trị, phát triển, đào tạo nguồn nhân lực nhằm thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Ban Pháp chế

Ban Pháp chế thực hiện tham mưu, tư vấn, cập nhật pháp lý cho Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, các đơn vị trong hệ thống BAC A BANK và các công ty con, công ty liên kết của BAC A BANK, tư vấn pháp luật cho các dự án mà BAC A BANK tư vấn đầu tư, nhằm cảnh báo rủi ro và đảm bảo tuân thủ pháp luật trong các lĩnh vực hoạt động ngân hàng.

Ban Thi đua - Khen thưởng - Kỷ luật

Ban Thi đua - Khen thưởng - Kỷ luật là đơn vị chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trong việc:

- Quản lý, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, xử lý kỷ luật và khiếu nại, tố cáo trong hệ thống BAC A BANK theo chiến lược, định hướng phát triển của BAC A BANK trong từng thời kỳ theo đúng quy định của Pháp luật;
- Giám sát việc nghiêm túc thực hiện các chế tài xử lý vi phạm kỷ luật lao động trong hoạt động kinh doanh theo Nội quy lao động, Quy chế và các quyết định có hiệu lực của BAC A BANK và quy định của pháp luật;
- Đầu mối trong công tác tiếp nhận, giải quyết, tổng hợp đơn thư, văn bản khiếu nại, tố cáo của các tập thể, cá nhân trong nội bộ BAC A BANK.

Ban Giám sát tuân thủ và Hỗ trợ kinh doanh:

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc các vấn đề liên quan tới: Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh của các đơn vị kinh doanh tại khu vực được phân công nhằm giúp Tổng giám đốc đưa ra các quyết định kịp thời đảm bảo tính phù hợp – an toàn – hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của BAC A BANK; Kiểm tra, giám sát, báo cáo kịp thời việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của ngân hàng tại các đơn vị kinh doanh được phân công; Hỗ trợ các Khối, Ban/Trung tâm chức

năng tại Hội sở trong việc phối hợp và triển khai công việc tới các đơn vị kinh doanh; Hỗ trợ đơn vị kinh doanh trong việc phát triển kinh doanh và nâng cao tính tuân thủ.

Khối Marketing và Truyền thông

Khối Marketing và Truyền thông là đơn vị trực thuộc Trụ sở chính, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, có các chức năng:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám Đốc, Hội đồng quản trị trong việc quản lý, điều hành công tác quản trị và phát triển thương hiệu BAC A BANK.
- Tham mưu, xây dựng và thực hiện chiến lược truyền thông theo đúng định vị thương hiệu và định hướng hoạt động và kinh doanh chung của Ngân Hàng.
- Quản lý hệ thống nhận diện thương hiệu BAC A BANK trên toàn hệ thống.
- Triển khai toàn bộ các hoạt động sự kiện, các chương trình hỗ trợ đối với các nghiệp vụ kinh doanh của Ngân hàng đảm bảo truyền thông hiệu quả và phát triển thương hiệu BAC A BANK.
- Thực hiện các chương trình truyền thông để quảng bá các sản phẩm, dịch vụ của các Khối.

Khối Ngân hàng số

- Tham mưu cho Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị về việc xây dựng, triển khai và vận hành mô hình Ngân hàng số dành cho BAC A BANK; Đề xuất, xây dựng lộ trình chiến lược phát triển Ngân hàng số ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cùng các phương thức triển khai và các mục tiêu phát triển kinh doanh của Khối hàng năm; Xây dựng mô hình kinh doanh số bao gồm: (i) Phát triển các sản phẩm, dịch vụ số, (ii) Thiết kế trải nghiệm khách hàng trên nền tảng số, (iii) Quản lý, hỗ trợ thúc đẩy các đơn vị kinh doanh trên Toàn quốc trong công tác thực hiện triển khai, vận hành và bán các sản phẩm/dịch vụ số; Xây dựng cơ chế và quản lý các hoạt động của Khối ngân hàng số, xây dựng và đánh giá KPIs, cơ cấu tổ chức, năng lực nhân sự, trách nhiệm, quyền hạn, kiểm soát nội bộ, chính sách thưởng phạt, quy trình nghiệp vụ, v.v.. phù hợp với công tác vận hành mô hình Ngân hàng số và các quy định liên quan của BAC A BANK; Xây dựng các hệ thống quản trị, hệ thống công nghệ, hệ thống quản lý chất lượng với mục đích quản lý, điều hành hoạt động; Xây dựng các chương trình, dự án cải tiến chiến lược, các chương trình phát triển nguồn lực nhằm nâng cao năng lực hệ thống cũng như hoạt động của Ngân hàng số.

Trung tâm kinh doanh

Trung tâm kinh doanh có chức năng tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Trung tâm kinh doanh Trụ sở chính, thực hiện các hoạt động kinh doanh của Ngân Hàng theo nội dung giấy phép của Ngân hàng Nhà nước và theo sự uỷ quyền của Tổng Giám đốc, quản lý các hoạt động kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc.

Bên cạnh đó, Trung tâm kinh doanh cung cấp các sản phẩm, dịch vụ Ngân Hàng cho khách hàng, nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng và tạo ra doanh thu lợi nhuận cho BAC A BANK.

2.3 Tình hình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Ngày 25/7/2022, Ngân hàng TMCP Bắc Á đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức theo văn bản số 4787/UBCK-QLCB ngày 25/07/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của BAB. Việc phát hành được BAB triển khai thực hiện theo văn bản số 3673/NHNN-TTGSNH ngày 02/06/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và văn bản số 3620/UBCK-QLCB ngày 13/06/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo đó, giá trị vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Bắc Á tăng 602.508.400.000 VNĐ lên thành 8.133.863.400.000 VNĐ.

2.4 Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

- **Cổ phiếu phổ thông**

Bảng 4: Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại ngày 06/07/2022 và tại ngày 30/09/2022

(Theo danh sách được chốt để thực hiện quyền nhận cổ tức 8% năm 2021)

STT	Danh mục	Tại ngày 06/07/2022		Tại ngày 30/09/2022	
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	813.375.422	99,9987	813.357.922	99,9987
a	Tổ chức	30.017.159	3,6904	30.016.181	3,6903
b	Cá nhân	783.358.263	96,3083	783.359.741	96,3084
2	Nước ngoài	10.918	0,0013	10.418	0,0013
a	Tổ chức	222	0	222	0
b	Cá nhân	10.696	0,0013	10.916	0,0013
	Tổng cộng	813.386.340	100,0	813.386.340	100,0

Nguồn: BAC A BANK, VSD

- Tỷ lệ sở hữu của tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: 0%

- **Các loại chứng khoán khác**

Bảng số 5: Số lượng chứng khoán khác đang lưu hành tại ngày 31/10/2022

(Nội dung tương tự Bảng 43: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại 31/10/2022)

2.5 Vị thế của Tổ chức Phát Hành trong ngành

Trái qua nhiều thăng trầm trong quá trình hình thành phát triển, đến nay BAC A BANK cũng

đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như về tốc độ tăng trưởng về dư nợ tín dụng, vốn huy động, chỉ số lợi nhuận, bên cạnh đó BAC A BANK cũng có một số lợi thế nhất định so với các ngân hàng khác.

- Về nguồn nhân lực: Các thành viên Hội đồng quản Trị, Ban Tổng giám đốc là những cán bộ có năng lực và chuyên môn ngân hàng giỏi, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ, công nhân viên tại BAC A BANK là lớp trẻ, năng nổ, nhiệt tình, tận tâm, ham học hỏi, hầu hết được đào tạo chính quy về các chuyên môn và nghiệp vụ.
- Hệ thống công nghệ thông tin: BAC A BANK tiếp tục đầu tư triển khai hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc hỗ trợ công tác quản trị ngân hàng và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Trong thời gian tới, tiếp tục tăng cường năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin, mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử, hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới. Đặc biệt, dự án KioskBanking và ngân hàng số BAC A BANK AlphaBank đưa vào hoạt động này sẽ giúp ngân hàng mở rộng hơn các dịch vụ kinh doanh và khách hàng sẽ có thêm lựa chọn để tiếp cận với dịch vụ ngân hàng 24/7.
- Nguồn khách hàng: với quy chế quản lý quy trình cấp tín dụng thông thoáng và an toàn, đảm bảo hoàn tất hồ sơ trong thời gian nhanh nhất, BAC A BANK đã hấp dẫn được một lượng lớn các khách hàng, do vậy tỷ lệ lợi nhuận từ lãi vay của BAC A BANK đạt mức cao, đảm bảo mức thu nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh của BAC A BANK đối với ngân hàng khác.
- Trong quá trình phát triển BAC A BANK vẫn đang thực hiện cùng cố tổ chức hoạt động với nhiều cơ hội và thách thức từ thị trường và các quy định từ NHNN (về phân loại nợ, trích lập dự phòng...) nhưng với định hướng bám sát chiến lược phát triển, mở rộng và đa dạng hóa cơ sở khách hàng, giảm lệ thuộc vào khách hàng lớn, chuyển dịch hệ khách hàng theo hướng tập trung vào các khách hàng nhỏ lẻ, có margin cao hơn và nỗ lực kiểm soát chi phí. Kết thúc năm tài chính 2021 hoạt động của BAC A BANK đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, thể hiện qua việc các chỉ tiêu hoạt động chính đều đạt mức tăng trưởng cao và hầu hết các chỉ tiêu đặt ra đều hoàn thành và vượt kế hoạch ĐHCĐ giao phó:
 - ✓ Tổng tài sản: tăng trưởng tốt cả về quy mô và chất lượng, cuối năm 2021 tăng 2,22% so với năm 2020.
 - ✓ Hoạt động huy động vốn: BAC A BANK luôn duy trì tốc độ tăng trưởng nguồn vốn ổn định, từng bước cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng huy động trung dài hạn nhằm bảo đảm tính ổn định, an toàn thanh khoản, phù hợp với danh mục cho vay. Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng nguồn vốn huy động đạt 107.940 tỷ đồng, tăng 2,10% so với cuối năm 2020; trong đó, tiền gửi của khách hàng chiếm tỷ trọng cao 86,57% đạt mức tăng trưởng 8,10%. Tại thời điểm 30/09/2022, tổng nguồn vốn huy động đạt 111.761 tỷ đồng, tăng 3,54% so với cuối năm 2021, tiền gửi của khách hàng vẫn chiếm tỷ trọng cao chiếm 85,63% tổng nguồn vốn huy động, đạt mức tăng trưởng 2,42%.

- ✓ Hoạt động tín dụng: BAC A BANK tập trung phục vụ, tư vấn và cấp tín dụng cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông thôn và các ngành phụ trợ liên quan được Chính phủ khuyến khích trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro. Đến 31/12/2021, cho vay khách hàng của BAC A BANK đạt 84.598 tỷ đồng, tăng 6,49% so cuối năm 2020. Tại thời điểm 30/09/2022, cho vay khách hàng của BAC A BANK đạt 92.465 tỷ đồng, tăng 9,30% so với cuối năm 2021.
 - ✓ BAC A BANK trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định. Trong năm 2020, BAC A BANK đã mua lại toàn bộ trái phiếu VAMC. Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021 được kiểm soát ở mức 0,77%, tại thời điểm 30/09/2022 được kiểm soát ở mức 0,59% là một trong những TCTD có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất trong hệ thống.
 - ✓ Lợi nhuận trước thuế lũy kế 9 tháng đầu năm 2022: 715 tỷ; giảm nhẹ 1,88% so với cùng kỳ năm 2021, thu nhập lãi thuần vẫn là yếu tố đóng góp chính vào tổng thu nhập hoạt động với 1.670 tỷ đồng (số liệu hợp nhất) trong 9 tháng đầu năm 2022, tăng 6,85% so với cùng kỳ năm 2021.
 - ✓ Trong các giai đoạn hoạt động, BAC A BANK luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của NHNN, các chỉ số an toàn hoạt động của BAC A BANK luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn cao hơn so với mức yêu cầu tối thiểu 8% của NHNN.
- Trong giai đoạn sắp tới, BAC A BANK tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở tăng trưởng bền vững, tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, kiện toàn bộ máy hoạt động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, gia tăng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngân hàng, mở rộng thêm mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần của Ngân Hàng.

Bảng 26: Thị phần của BAC A BANK so với toàn ngành tại thời điểm 30/06/2022

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu hợp nhất	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
Số liệu toàn ngành	17.138.829	11.428.653	13.908.338 (*)
BAC A BANK	124.188	89.365	97.168
Thị phần so với toàn ngành	0,72%	0,78%	0,70%

Nguồn: BAC A BANK tổng hợp, <https://www.sbv.gov.vn/>

(*) Số liệu này chưa loại các khoản phát hành giấy tờ có giá do các TCTD khác trong nước mua.

2.6 Chiến lược kinh doanh

Bảng 28: Các chỉ tiêu kinh doanh chính trong năm 2022

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu (Riêng lẻ)	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ tăng trưởng
Tổng Tài sản	119.900	130.879	9,16%
Tiền gửi khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá	98.874	108.761	10,00%
Dư nợ cấp tín dụng thị trường 1	86.798	95.478	10,00%
Lợi nhuận trước thuế	904	1.035	14,49%
Tỷ lệ nợ xấu	0,77%	<1,5%	

Nguồn: BAC A BANK

2.7 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

2.7.1 Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn

Tính đến thời điểm 31/10/2022, số dư trái phiếu BAC A BANK đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 7.835,4 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Bảng 33: Thông tin số dư trái phiếu đã phát hành chưa đáo hạn (tính theo mệnh giá)

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Kỳ hạn	31/12/2020	31/12/2021	31/08/2022	31/10/2022
	Trái phiếu riêng lẻ	5.000	5.000	7.600	7.600
1	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	-	700	900	900
2	Trái phiếu thường	5.000	4.300	6.700	6.700
	Trái phiếu công chúng				235,4
1	Trái phiếu tăng vốn cấp 2				235,4
2	Trái phiếu thường				
	Tổng giá trị				7.835,4

Nguồn: BAC A BANK

Phát hành trái phiếu là kênh huy động vốn khá hiệu quả của BAC A BANK. Hàng năm, căn cứ trên kế hoạch kinh doanh, Ngân Hàng thực hiện phát hành trái phiếu có kỳ hạn khác nhau đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng cũng như nhu cầu sử dụng vốn của Ngân Hàng. Tại thời điểm 31/10/2022, tổng giá trị trái phiếu BAC A BANK đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán là 7.835,4 tỷ đồng, bao gồm các trái phiếu có kỳ hạn, ngày phát hành và lãi suất khác nhau. Cho đến nay, BAC A BANK luôn thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu đầy đủ, đúng hạn. Hiện tại, Ngân Hàng không có trái phiếu chuyển đổi.

2.7.2 Các cam kết chưa thực hiện khác

Các nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết đưa ra của BAC A BANK như sau:

Bảng 34: Cam kết chưa thực hiện của BAC A BANK

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Riêng lẻ			
	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	485	868	900	1.099	485	868	900	1.099
Cam kết bảo lãnh vay vốn	51	94	119	238	51	94	119	238
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	65	152	209	212	65	152	209	212
Cam kết bảo lãnh khác	369	621	572	649	369	621	572	649
Các cam kết đưa ra	19.792	42.053	61.973	54.472	19.792	42.053	61.973	54.472
Cam kết giao dịch hối đoái	19.792	42.053	61.973	54.472	19.792	42.053	61.973	54.472
Các cam kết khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	20.277	42.921	62.873	55.571	20.277	42.921	62.873	55.571

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC soát xét 6 tháng, BCTC quý III năm 2022

2.8 Cập nhật số cổ phần nắm giữ của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và kế toán trưởng

• Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Thoảng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Số cổ phần nắm giữ 25.900.554 cổ phần, chiếm 3,184% Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ 15.344.120 cổ phần, chiếm 1,887% Vốn điều lệ, trong đó:
 Ông Đào Đình Phát, sở hữu 11.890.771 cổ phần, chiếm 1,462% Vốn điều lệ
 Con gái Đào Phương Thảo, sở hữu 3.453.349

cổ phần, chiếm 0,425% Vốn điều lệ

Bà Thái Hương – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ 34.935.547 cổ phần, chiếm 4,295% Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ 81.653.184 cổ phần, chiếm 10,82% Vốn điều lệ, trong đó:
 - Em gái Thái Thị Thanh Bình, sở hữu 6.355.806 cổ phần, chiếm 0,781% Vốn điều lệ
 - Anh rể Lê Hồng Trường, sở hữu 3.789.887 cổ phần, chiếm 0,466% Vốn điều lệ
 - Em rể Nguyễn Văn Danh, sở hữu 25.444.911 cổ phần, chiếm 3,128% Vốn điều lệ
 - Em rể Hoàng Ngọc Hòa, sở hữu 21.578.374 cổ phần, chiếm 2,653% Vốn điều lệ
 - Em rể Nguyễn Trọng Trung, sở hữu 30.840.012 cổ phần, chiếm 3,792% Vốn điều lệ

Ông Võ Văn Quang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ 541.626 cổ phần, chiếm 0,067% Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

Ông Đặng Thái Nguyên - Thành viên HĐQT

- Số cổ phần nắm giữ 2.265.765 cổ phần, chiếm 0,279% Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

Ông Nguyễn Hữu Phàng - Thành viên độc lập HĐQT

- Số cổ phần nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ Con gái Nguyễn Thị Thu Thủy, sở hữu 101.854 cổ phần, chiếm 0,013% Vốn điều lệ

• **Ban Kiểm soát**

Ông Phạm Hồng Công - Trưởng Ban kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ 1.538.042 cổ phần, chiếm 0,189% Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

Bà Trương Thị Kim Thư – Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách

- Số cổ phần nắm giữ 2.624.078 cổ phần, chiếm 0,323% Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

Ông Thái Đình Long – Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách

- Số cổ phần nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0 % Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Bà Thái Hương – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc: (Đã nêu ở mục Hội đồng Quản trị)

Ông Nguyễn Trọng Trung - Phó Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ 30.840.012 cổ phần, chiếm 3,792% Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

Ông Đặng Trung Dũng - Phó Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0 % Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ Vợ Thái Thị Thanh Bình, sở hữu 6.355.806 cổ phần, chiếm 0,781% Vốn điều lệ

Ông Chu Nguyên Bình - Phó Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ 1.486.852 cổ phần, chiếm 0,183% Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

Ông Lê Ngọc Hồng Nhật

- Số cổ phần nắm giữ 1.300.997 cổ phần, chiếm 0,160% Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ

Ông Võ Văn Quang – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: (Đã nêu ở mục Hội đồng Quản trị)

Bà Nguyễn Hồng Yến – Kế toán trưởng

- Số cổ phần nắm giữ 1.300.997 cổ phần, chiếm 0,160% Vốn điều lệ
- Số cổ phần người có liên quan nắm giữ 17.569.461 cổ phần, chiếm 2,160% Vốn điều lệ, trong đó:

- Ông Trần Anh Dũng, sở hữu 2.787.851 cổ phần, chiếm 0,343% Vốn điều lệ
- Ông Nguyễn Hồng Tiến, sở hữu 14.781.610 cổ phần, chiếm 1,817% Vốn điều lệ

2.9 Thông tin về tình hình sử dụng vốn Đợt 1 đến thời điểm hiện tại:

Tổng giá trị trái phiếu BAC A BANK đã phát hành trong Đợt 1 là **235,4** tỷ đồng. Tính đến thời điểm 07/11/2022, BAC A BANK đã sử dụng 235,4 tỷ đồng giá trị trái phiếu phát hành Đợt 1 để bổ sung vốn cho vay trung - dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, phù hợp với mục đích phát hành đã được Hội đồng quản trị thông qua.

3. THÔNG TIN VỀ VIỆC CHÀO BÁN ĐỢT 2:

Các nội dung được trình bày dưới đây là các thông tin, các điều khoản và điều kiện về trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BAC A BANK. Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, người sở hữu trái phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung, quy định và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan tại Bản cáo bạch này và phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BAC A BANK

3.1 Tên trái phiếu

Tên trái phiếu: Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Bắc Á phát hành ra công chúng năm 2022.

Sau đây được gọi chung là “Các Trái Phiếu”, và gọi riêng là “Trái Phiếu” có nghĩa là bất kỳ trái phiếu nào trong số Các Trái Phiếu.

3.2 Loại trái phiếu

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đặc điểm pháp lý của Trái Phiếu

- Trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ và được thanh toán bằng Đồng Việt Nam.
- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được đảm bảo bằng Tài sản của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành xảy ra các sự kiện phải thực hiện thanh lý tài sản, thanh toán các khoản nợ... theo quy định của pháp luật có liên quan, Người Sở Hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức Phát hành đã thanh toán các khoản nợ và/hoặc nghĩa vụ cho tất cả các chủ nợ khác, Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt Phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào.

- Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả trong năm kinh doanh bị lỗ.
- Trong thời hạn lưu hành của Trái phiếu, Người Sở Hữu Trái phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.
- Tổ Chức Phát Hành chỉ được mua lại, trả nợ trước thời gian đáo hạn với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Phát Hành vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát.

3.3 Mệnh giá

Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.

3.4 Tổng số lượng trái phiếu chào bán

- Số lượng Trái phiếu chào bán Đợt 2: 25.646.000 Trái phiếu, trong đó:
 - ✓ Trái Phiếu BAB202202-07L: 6.945.500 (sáu triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm) Trái Phiếu
 - ✓ Trái Phiếu BAB202202-07C: 13.686.000 (mười ba triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn) Trái Phiếu
 - ✓ Trái Phiếu BAB202202-08C: 5.014.500 (năm triệu mười bốn nghìn năm trăm) Trái Phiếu

Ghi chú: số trái phiếu chào bán Đợt 2 đã bao gồm 13.646.000 trái phiếu còn lại chưa bán hết của Đợt 1 được chuyển sang Đợt chào bán này.

Ngày phát hành dự kiến: từ Quý 4/2022

3.5 Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá là 2.564.600.000.000VND (Hai nghìn năm trăm sáu mươi tư tỷ sáu trăm triệu đồng)

3.6 Kỳ hạn trái phiếu

- Các Trái Phiếu BAB202201-07L, BAB202202-07L, BAB202203-07L, BAB202204-07L và BAB202201-07C, BAB202202-07C, BAB202203-07C, BAB202204-07C có kỳ hạn 07 (bảy) năm.
- Các Trái Phiếu BAB202201-08C, BAB202202-08C, BAB202203-08C, BAB202204-08C có kỳ hạn 08 (tám) năm.

3.7 Lãi suất

Lãi suất Trái Phiếu Đợt 2:

- Trái Phiếu BAB202202-07L: Cố định 9,3%/năm.
- Trái Phiếu BAB202202-07C: Cố định 9,6%/năm.
- Trái Phiếu BAB202202-08C: Cố định 9,8%/năm.

3.8 Kế hoạch sử dụng vốn

Đợt phát hành	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền	Tiến độ sử dụng vốn
2	Bổ sung vốn cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức	2.564.600.000.000	Từ Quý 4/2022

3.9 Đăng ký trái phiếu tập trung và niêm yết trái phiếu

Trái phiếu do BAC A BANK chào bán ra công chúng sẽ được đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán.

3.10 Giá chào bán

100.000 VND (một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu.

3.11 Ngày thực hiện quyền mua lại đối với trái phiếu phát hành (Đợt 2)

- ✓ Đối với trái phiếu BAB202202-07L: là ngày tròn 18 (mười tám) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- ✓ Đối với trái phiếu BAB202202-07C: là ngày tròn 02 (hai) năm kể từ Ngày Phát Hành.
- ✓ Đối với trái phiếu BAB202202-08C: là ngày tròn 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát Hành.

3.12 Phương thức phân phối

• Phương thức phân phối

Việc phân phối trái phiếu Đợt 2 được phân phối trực tiếp thông qua Trụ sở chính và các PGD/CN của Tổ Chức Phát Hành, thực hiện một cách công bằng, công khai và bảo đảm thời hạn đăng ký mua trái phiếu cho Nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày.

3.13 Đăng ký mua trái phiếu

3.13.1 Số lượng đăng ký mua tối thiểu

- Đối với Nhà đầu tư là cá nhân: Số lượng đặt mua tối thiểu 500 (năm trăm) Trái Phiếu, tương đương 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo mệnh giá Trái Phiếu hoặc bội số của 500 (năm trăm) Trái Phiếu.
- Đối với Nhà đầu tư là tổ chức kinh tế: Số lượng đặt mua tối thiểu 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu, tương đương 100.000.000 (một trăm triệu) đồng theo mệnh giá Trái Phiếu hoặc bội số của 1.000 (một nghìn) Trái Phiếu.

3.13.2 Thời hạn đăng ký mua

Việc đăng ký mua Trái Phiếu sẽ được thông báo sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng. Thời gian dự kiến để các Nhà đầu tư đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu từng đợt phát hành tối thiểu là 20 (hai mươi ngày) và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về mỗi Đợt chào bán. Thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức và nêu chi tiết tại Bản thông báo phát hành Trái Phiếu ra công chúng.

3.13.3 Phương thức đăng ký mua và thanh toán

- Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các Nhà đầu tư theo nguyên tắc công khai, công bằng.
- Nhà đầu tư sẽ đăng ký mua, thanh toán trực tiếp vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/ Phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành
- Trường hợp tổng số lượng Trái phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối số Trái Phiếu được phép phát hành cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng Nhà đầu tư. Số lượng Trái Phiếu phân bổ cho các Nhà đầu tư theo tỷ lệ đăng ký mua sẽ được làm tròn xuống số nguyên gần nhất (nếu không phải là số nguyên), đồng thời tổng số lượng Trái Phiếu phân bổ cho tất cả các Nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký chào bán.
- Xử lý phần lẻ Trái Phiếu: Trường hợp đối với số lượng Trái phiếu còn dư phát sinh sau khi làm tròn xuống theo nguyên tắc trên (nếu có), Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền phân bổ cho một hoặc một số Nhà đầu tư nhất định một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu còn lại đó.
- Để tránh hiểu nhầm, việc đăng ký mua Trái phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi Nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái phiếu vào Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

3.13.4 Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu

- Hình thức thực hiện: Chuyển trả các khoản tiền vào tài khoản của Nhà đầu tư theo thông tin đã đăng ký, hoặc chuyển trả bằng tiền mặt tại địa điểm mà Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua (trường hợp Nhà đầu tư không có tài khoản ngân hàng).
- Thời gian thực hiện: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu được giải tỏa (Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc đợt chào bán và UBCKNN ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán).

3.14 Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

Lịch trình chào bán Trái Phiếu đợt 2 (dự kiến Quý 4/2022):

STT	Nội Dung	Thời Gian Dự Kiến
1	Tổ Chức Phát Hành nhận văn bản của UBCKNN về việc Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng Đợt 2	T
2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về việc chào bán Trái Phiếu Đợt 2	T đến T+3
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu và Nhà đầu tư đăng ký, nộp tiền mua Trái Phiếu Đợt 2	T+3 đến T+23

STT	Nội Dung	Thời Gian Dự Kiến
3.1	Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và Nhà đầu tư đăng ký, nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến	T+3
3.2	Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và Nhà đầu tư đăng ký, nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến	T+23
4	Ngày Phát Hành Đợt 2	T+23
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6	UBCKNN ban hành văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán	Trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày UBCKNN nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán đầy đủ và hợp lệ
7	Cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu cho Nhà đầu tư	Trong vòng 30 (ba mươi) Ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

3.15 Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu

- Số tài khoản: 12410003503315
- Chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Bắc Á
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

3.16 Thông tin về các cam kết

3.16.1 Thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư

- Phát hành Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư phù hợp với các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu;
- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu quy định tại các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan tại Ngày Phát Hành;
- Tính toán tiền Lãi và/hoặc Gốc phải trả cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Thanh Toán Lãi và Ngày Hoàn Trả Cuối Cùng;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền Gốc, Lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi Người Sở Hữu Trái Phiếu có nhu cầu thanh toán, chuyển nhượng, sử dụng làm tài sản đảm bảo hoặc chiết khấu Trái Phiếu;
- Đối với các Trái Phiếu chưa thực hiện lưu ký, nếu Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc bị phá hủy thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan được Tổ Chức Phát Hành cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu;
- Giữ bí mật thông tin về số dư Trái Phiếu và các giao dịch về Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;
- Báo cáo NHNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về giao dịch phát hành Trái Phiếu theo quy định của pháp luật;
- Tuân thủ quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong quá trình phát hành Trái Phiếu và khi thực hiện các giao dịch liên quan đến việc phát hành Trái Phiếu. Nghĩa vụ này không áp dụng cho các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu giao dịch trên thị trường thứ cấp;
- Sử dụng nguồn vốn huy động được từ việc phát hành Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và quy định của pháp luật;
- Các nghĩa vụ khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Văn Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

3.16.2 Cam kết nghĩa vụ thực hiện niêm yết trái phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán

- Sau khi kết thúc đợt phát hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện niêm yết Các Trái phiếu, hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.
- Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì việc niêm yết trái phiếu chừng nào còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

BAC A BANK



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN THỊ THOẢNG

PHÓ TGD KIỂM GIÁM ĐỐC KHỎI
NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TIỀN TỆ

CHU NGUYỄN BÌNH

HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỐC



THÁI HƯƠNG

PHÓ TGD KIỂM GIÁM ĐỐC KHỎI
TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

LÊ NGỌC HỒNG NHẬT

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

ACBS

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB – CHI NHÁNH HÀ NỘI



PHẠM TUẤN LONG